

Bảng so sánh nội dung Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa; Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa và Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ

Văn bản được sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
I. Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 , được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 24/9/2018		
Điều 5 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 24/9/2018 “Điều 5. Điều kiện về phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra Hệ thống phòng học chuyên môn và phòng thi, kiểm tra phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, bao gồm: Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa, phòng học lý thuyết máy - điện và phòng học thủy nghiệp cơ bản. Phòng thi, kiểm tra có thể được bố trí chung với các phòng học chuyên môn”	Điều 5. Điều kiện về phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra Hệ thống phòng học chuyên môn và phòng thi, kiểm tra phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa, phòng học lý thuyết máy - điện và phòng học thủy nghiệp cơ bản. Phòng thi, kiểm tra có thể được bố trí chung với các phòng học chuyên môn.	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Điều 6 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 24/9/2018 “Điều 6. Xưởng thực hành Các xưởng thực hành phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, bao gồm: Xưởng thực hành nguội - cơ khí, thực hành máy - điện.”.	Điều 6. Xưởng thực hành Các xưởng thực hành phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Xưởng thực hành nguội - cơ khí, thực hành máy - điện.	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Điều 7 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 24/9/2018 “Điều 7. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy 1. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái	Điều 7. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy 1. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. 2. Phương tiện thực hành phải có giấy tờ hợp pháp về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị phục vụ hành trình, cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và phải treo biển "Phương tiện huấn luyện" ở vị trí dễ quan sát trong khi huấn luyện."	phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành. 2. Phương tiện thực hành phải có giấy tờ hợp pháp về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị phục vụ hành trình, cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và phải treo biển "Phương tiện huấn luyện" ở vị trí dễ quan sát trong khi huấn luyện.	XV
Điều 8 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 24/9/2018 "Điều 8. Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải".	Điều 8. Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Đổi tên cơ quan "Bộ Giao thông vận tải" thành "Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Khoản 3 Điều 10 "3. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở từ loại 3 trở lên trong phạm vi toàn quốc." 4. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 trong phạm vi địa phương."	Khoản 3, 4 Điều 10 3. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở từ loại 3 trở lên trong phạm vi toàn quốc. 4. Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 trong phạm vi địa phương.	- Đổi tên cơ quan "Cục Đường thủy nội địa Việt Nam" thành "Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam" theo quy định tại Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng - Đổi tên cơ quan "Sở Giao thông vận tải" thành "Sở Xây dựng" theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
Điều 16 "1. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm a) Thống nhất quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi toàn quốc; chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này; ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật; định kỳ 05 năm một lần tổ chức kiểm tra cơ sở đào tạo để đánh giá tình trạng kỹ thuật của các trang thiết bị, năng lực của đội ngũ giáo viên, nội dung, chương trình đào tạo, đảm bảo	Khoản 1, 2 Điều 16 1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm a) Thống nhất quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi toàn quốc; chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này; ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật; định kỳ 05 năm một lần tổ chức kiểm tra cơ sở đào tạo để đánh giá tình trạng kỹ thuật của các trang thiết bị, năng lực của đội ngũ giáo viên, nội dung, chương trình đào tạo, đảm bảo công	- Đổi tên cơ quan "Bộ Giao thông vận tải" thành "Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. -- Đổi tên cơ quan "Sở Giao thông vận tải" thành "Sở Xây dựng" theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2025/NĐ-CP

công tác đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế; c) Cập nhật, công bố danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải. 2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn nội dung chuyên môn, nghiệp vụ trong xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật. 3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện công tác quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật. Định kỳ cập nhật, công bố danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi địa phương trên Cổng thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.”	tác đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế; c) Cập nhật, công bố danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng. 2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung chuyên môn, nghiệp vụ trong xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật. 3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các Sở Xây dựng tổ chức thực hiện công tác quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật. Định kỳ cập nhật, công bố danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi địa phương trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng.”	ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
Mẫu số 01 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA I. GIỚI THIỆU CHUNG 1. Tên cơ sở đào tạo: a) Người đại diện pháp luật: b) Địa chỉ liên lạc:..... c) Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... 2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:..... 3. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số..... ngày...../...../..... của..... 4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở đào tạo. II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO 1. Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo đã được cấp số... ngày... của... (nếu có). 2. Phòng học chuyên môn Tổng số phòng học hiện có, từng loại phòng, số phòng, diện tích (m²) đáp ứng theo quy định. Lập bảng thống kê thiết bị hiện có phục vụ các môn học. 3. Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy Hiện trạng về xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy đáp ứng theo quy định. Lập bảng thống kê thiết bị hiện có. 4. Nội dung, chương trình đào tạo. 5. Đội ngũ giáo viên - Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....	Mẫu số 01 TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA I. GIỚI THIỆU CHUNG 1. Tên cơ sở đào tạo: a) Người đại diện pháp luật: - Họ và tên:.....; - Ngày, tháng, năm sinh:..... - Căn cước công dân/ Thẻ căn cước:..... b) Địa chỉ liên lạc:..... c) Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... 2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:..... 3. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số..... ngày...../...../..... của..... 4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở đào tạo (Đề nghị nêu rõ: Tên cơ sở; tên giao dịch quốc tế (nếu có); địa chỉ; điện thoại; và các thông tin cần thiết khác). II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO 1. Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo đã được cấp số... ngày... của... (nếu có). 2. Phòng học chuyên môn Tổng số phòng học hiện có, từng loại phòng, số phòng, diện tích (m²) đáp ứng theo quy định. Lập bảng thống kê thiết bị hiện có phục vụ các môn học. 3. Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy Hiện trạng về xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy đáp ứng theo quy định. Lập bảng thống kê thiết bị hiện có.	Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, theo đó, cắt giảm các thông tin như địa chỉ liên lạc, điện thoại, fax, email, giấy chứng nhận cơ sở đào tạo Vì các thông tin này đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. - Bổ sung các trường thông tin đầu vào để tra cứu thông tin dữ liệu công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo hướng dẫn tại Công văn số 761/VPCP-KSTT ngày 29/01/2022 và Công văn số 677/BTTTT-THH ngày 03/3/2022. -Bổ sung trường thông tin “Số lượng giáo viên dạy tích hợp” vì trường hợp giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành.

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:..... 6. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên ... 7. Đánh giá chung, đề nghị:	4. Nội dung, chương trình đào tạo. 5. Đội ngũ giáo viên - Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:..... - Số lượng giáo viên dạy thực hành:..... - Số lượng giáo viên dạy tích hợp:..... 6. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên ... 7. Đánh giá chung, đề nghị:	
Mẫu số 02 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc BIÊN BẢN KIỂM TRA, XÉT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA Căn cứ Nghị định số/20...../NĐ-CP ngày/...../20..... của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. Xét đề nghị của tại văn bản số ngày về việc Hôm nay, ngày tháng năm tại Đại diện cơ quan có thẩm quyền cấp:..... Đại diện cơ sở đào tạo: Đã tiến hành kiểm tra Điều kiện của cơ sở đào tạo Kết quả kiểm tra như sau: I. VỀ TỔ CHỨC Tên cơ sở đào tạo: Quyết định thành lập: Cơ quan chủ quản: Địa chỉ: Điện thoại:..... Fax:..... Email: II. ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO 1. Phòng học chuyên môn - Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Phòng học Điều khiển phương tiện thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Phòng học lý thuyết máy - điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Phòng học thủy nghiệp cơ bản (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) 2. Phòng thi, kiểm tra (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) 3. Xưởng thực hành - Xưởng thực hành nguội - cơ khí (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Xưởng thực hành máy - điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)	Mẫu số 02 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc BIÊN BẢN KIỂM TRA, XÉT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA Căn cứ Nghị định số/20...../NĐ-CP ngày/...../20..... của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. Xét đề nghị của Tại văn bản số ngày về việc Hôm nay, ngày tháng năm tại Đại diện cơ quan có thẩm quyền cấp:..... Đại diện cơ sở đào tạo: Đã tiến hành kiểm tra Điều kiện của cơ sở đào tạo Kết quả kiểm tra như sau: 6. VỀ TỔ CHỨC Tên cơ sở đào tạo: Quyết định thành lập: Cơ quan chủ quản: Địa chỉ: Điện thoại:..... Fax:..... Email: II. ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO 1. Phòng học chuyên môn - Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Phòng học Điều khiển phương tiện thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Phòng học lý thuyết máy – điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Phòng học thủy nghiệp cơ bản (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) 2. Phòng thi, kiểm tra (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) 3. Xưởng thực hành máy – điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Xưởng thực hành nguội – cơ khí (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)	- Bỏ trường thông tin “Xưởng thực hành nguội – cơ khí” vì theo nội dung chương trình đào tạo cấp Chứng chỉ thợ máy tại Thông tư 64/2024/TT-BGTVT ngày 31/12/2024 bỏ Modul Hàn và modul Nguội và bổ sung trường thông tin - Bổ sung trường thông tin “Số lượng giáo viên dạy tích hợp” vì trường hợp giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành.

4. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy - Cầu tàu, báo hiệu giới hạn vùng nước, cọc bích và đệm chống va - Phương tiện thực hành, Giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa... 5. Nội dung, chương trình đào tạo (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) 6. Đội ngũ giáo viên (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Đối với giáo viên dạy lý thuyết - Đối với giáo viên dạy thực hành. Với kết quả kiểm tra như trên, Đoàn kiểm tra đề nghị (Cơ quan có thẩm quyền cấp) xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo loại đối với cơ sở đào tạo. (Trường hợp chưa đủ Điều kiện xem xét, cấp Giấy chứng nhận, Đoàn kiểm tra nêu rõ lý do, biện pháp khắc phục, hướng giải quyết...). ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP	4. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy - Cầu tàu, báo hiệu giới hạn vùng nước, cọc bích và đệm chống va - Phương tiện thực hành, Giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa... 5. Nội dung, chương trình đào tạo (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) 6. Đội ngũ giáo viên (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung) - Đối với giáo viên dạy lý thuyết - Đối với giáo viên dạy thực hành. - Đối với giáo viên dạy tích hợp. Với kết quả kiểm tra như trên, Đoàn kiểm tra đề nghị (Cơ quan có thẩm quyền cấp) xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo loại Đối với cơ sở đào tạo. (Trường hợp chưa đủ Điều kiện xem xét, cấp Giấy chứng nhận, Đoàn kiểm tra nêu rõ lý do, biện pháp khắc phục, hướng giải quyết...). ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP	
Mẫu số 03 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO ----- Số: TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.... (cơ quan có thẩm quyền cấp) Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa): Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số ngày do (Cơ quan có thẩm quyền cấp). Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. Lý do đề nghị cấp lại: (Ghi rõ lý do bị mất hoặc bị hỏng)..... (Cơ sở đào tạo) cam kết hoàn toàn chịu trách CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc -----, ngày tháng năm TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.... (cơ quan có thẩm quyền cấp) Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa): Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số ngày do (Cơ quan có thẩm quyền cấp). Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. Lý do đề nghị cấp lại: (Ghi rõ lý do bị mất hoặc bị hỏng)..... (Cơ sở đào tạo) cam kết hoàn toàn chịu trách	Mẫu số 03 TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO ----- Số: TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.... (cơ quan có thẩm quyền cấp) Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa): Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số ngày do (Cơ quan có thẩm quyền cấp). Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. Lý do đề nghị cấp lại: (Ghi rõ lý do bị mất hoặc bị hỏng)..... (Cơ sở đào tạo) cam kết hoàn toàn chịu trách CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----, ngày tháng năm TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.... (cơ quan có thẩm quyền cấp) Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa): Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số ngày do (Cơ quan có thẩm quyền cấp). Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. Lý do đề nghị cấp lại: (Ghi rõ lý do bị mất hoặc bị hỏng)..... (Cơ sở đào tạo) cam kết hoàn toàn chịu trách	Bỏ trường thông tin “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải”, chỉ quy định “cơ quan có thẩm quyền cấp” vì hiện nay theo quy định tại Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng và Điều 8 Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này./. Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này./. Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	
II. Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021		
Điều 16. Vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị hoặc trang bị không đủ áo phao hoặc dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân theo quy định, mức phạt tính trên mỗi áo phao, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bề khi hoạt động trên đường thủy nội địa, mức phạt tính trên mỗi thiết bị, dụng cụ: a) Trang bị không đủ số lượng thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân), dụng cụ cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện; b) Trang bị không đúng chủng loại, bố trí không đúng vị trí, sử dụng quá thời hạn quy định của thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân), dụng cụ cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện. 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người. 5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người, phương tiện có công dụng tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi. 6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt, trang bị thiết bị thông tin hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) trên mỗi phương tiện theo quy định hoặc không duy trì hoạt động của thiết bị thông tin hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định, áp dụng đối với mỗi thiết bị.	Điều 16. Vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị hoặc trang bị không đủ áo phao hoặc dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân theo quy định, mức phạt tính trên mỗi áo phao, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bề khi hoạt động trên đường thủy nội địa, mức phạt tính trên mỗi thiết bị, dụng cụ: a) Trang bị không đủ số lượng thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân), dụng cụ cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện; b) Trang bị không đúng chủng loại, bố trí không đúng vị trí, sử dụng quá thời hạn quy định của thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân), dụng cụ cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện. 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 , khoản 2 Điều này. 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 , khoản 2 Điều này, áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người. 5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 , khoản 2 Điều này, áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người, phương tiện có công dụng tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi. 6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt, trang bị thiết bị thông tin hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) trên mỗi phương tiện theo quy định hoặc không duy trì hoạt động của thiết bị thông tin hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định, áp dụng đối với mỗi thiết bị.	Bỏ “khoản 1” vì có sự trùng lặp hành vi vi phạm giữa khoản 1 và các khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 16 gây khó khăn trong công tác áp dụng pháp luật.
Điều 21. Vi phạm quy định về trách nhiệm, điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:	Điều 21. Vi phạm quy định về trách nhiệm, điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không hướng dẫn hành khách sử dụng các thiết bị chữa cháy, dụng cụ cứu	Bỏ điểm a khoản 1 Điều 21 vì có sự trùng lặp hành vi vi phạm với điểm c khoản 2 Điều 32

a) Không hướng dẫn hành khách sử dụng các thiết bị chữa cháy, dụng cụ cứu sinh, cứu đuối và thoát hiểm; b) thuyền trưởng không trực tiếp bàn giao nhiệm vụ cho thuyền phó hoặc người được ủy quyền khi rời phương tiện; c) thuyền trưởng không bố trí thuyền viên trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu hoặc không bố trí người canh giới khi phương tiện hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế; d) thuyền viên được bố trí trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu mà không có mặt trên phương tiện hoặc không thực hiện trông coi phương tiện theo quy định; đ) thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó không có mặt trên phương tiện trong ca làm việc theo quy định khi phương tiện đang hành trình; e) Không thông báo cho Cảng vụ (nơi cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu) về sự thay đổi thuyền viên khi phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; g) Không có hoặc không ghi bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh trên phương tiện.	sinh, cứu đuối và thoát hiểm; b) thuyền trưởng không trực tiếp bàn giao nhiệm vụ cho thuyền phó hoặc người được ủy quyền khi rời phương tiện; c) thuyền trưởng không bố trí thuyền viên trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu hoặc không bố trí người canh giới khi phương tiện hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế; d) thuyền viên được bố trí trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu mà không có mặt trên phương tiện hoặc không thực hiện trông coi phương tiện theo quy định; đ) thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó không có mặt trên phương tiện trong ca làm việc theo quy định khi phương tiện đang hành trình; e) Không thông báo cho Cảng vụ (nơi cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu) về sự thay đổi thuyền viên khi phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; g) Không có hoặc không ghi bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh trên phương tiện.	
Điều 55. Xử lý hành vi không có hoặc không mang giấy tờ theo quy định 1. Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định như: bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và Giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp phương tiện được thế chấp), giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực trong trường hợp phương tiện là tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải phô tồ, lưu lại giấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.	Điều 55. Xử lý hành vi không có hoặc không mang giấy tờ theo quy định 1. Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định như: bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và Giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp phương tiện được thế chấp), giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; giấy tờ liên quan đến tang vật, phương tiện khác (sau đây gọi chung là giấy tờ) các giấy tờ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là giấy tờ) thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực trong trường hợp phương tiện là tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải sao, lưu lại giấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.	Ngày 09/8/2023, Bộ Công an đã ban hành văn bản số 2777/BCA-V03 gửi Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý các văn bản QPPL có quy định khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong đó, Bộ Công an có đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 55 và Điều 56 Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 theo hướng: sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định về tạm giữ, tước, tịch thu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn... dạng điện tử; quy định xử phạt các hành vi vi phạm đối với người điều khiển phương tiện không có hoặc không mang các loại giấy tờ đã được đồng bộ vào tài khoản
	Bổ sung Điều 56a vào sau Điều 56 như sau: “Điều 56a. Kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử 1. Khi thông tin của các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định này đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu; việc kiểm tra thông tin của giấy tờ trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu có giá trị như kiểm tra bản chính giấy tờ đó. 2. Tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ	

	a) Khi tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ, người có thẩm quyền thực hiện việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ giấy tờ trên môi trường điện tử, cập nhật thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ giấy tờ đó trên hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để người vi phạm, chủ phương tiện (đối với giấy tờ của chủ phương tiện) biết, chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm; b) Giấy tờ đã có thông tin bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì người có thẩm quyền ra quyết định, lập biên bản trả lại giấy tờ cho người bị xử phạt theo quy định; hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính thực hiện đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ đó; c) Người có thẩm quyền xử phạt tra cứu biên lai điện tử thu tiền xử phạt vi phạm hành chính được hệ thống công dịch vụ công gửi về để in, lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và làm căn cứ trả lại giấy tờ bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an theo quy định tại điểm b khoản này; d) Các loại biên bản, quyết định của người có thẩm quyền trong việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, trả lại giấy tờ được thực hiện theo biểu mẫu quy định của pháp luật và có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, ứng dụng, hệ thống thông tin điện tử khác khi đủ điều kiện kỹ thuật thực hiện.”.	định danh điện tử. Nội dung này đã được Tổ công tác tổng hợp, giao Bộ Xây dựng xử lý. Đồng thời, tại Thông tư số 46/2022/TT-BCA ngày 04/11/2022 của Bộ Công an quy định về kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác đã quy định một số thông tin chuyên ngành gắn với công dân được cơ quan, tổ chức chia sẻ cho Bộ Công an phục vụ công tác quản lý dân cư, trong đó, có các thông tin thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) và các thông tin liên quan đến Quyết định xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, Cục HHĐTVN đề xuất sửa đổi Điều 55 và bổ sung Điều 56a Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 cho phù hợp với Đề án 06.
II. Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14/12/2023		
Điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “b) Đường ngang không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, khoảng cách giữa các đường ngang không phù hợp với quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;”	Điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “b) Đường ngang không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, khoảng cách giữa các đường ngang không phù hợp với quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số

		176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “b) Kiểm tra, đề xuất với Bộ Giao thông vận tải các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt tại các vị trí là đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia; đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt tại các vị trí nguy hiểm an toàn giao thông đường sắt còn lại trên đường sắt quốc gia;”	Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “b) Kiểm tra, đề xuất với Bộ Xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt tại các vị trí là đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia; đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt tại các vị trí nguy hiểm an toàn giao thông đường sắt còn lại trên đường sắt quốc gia;”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “a) Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức cải tạo, nâng cấp, bảo trì phần công trình đường sắt quốc gia giao nhau với đường sắt chuyên dùng;”	Điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “a) Bộ Xây dựng có trách nhiệm tổ chức cải tạo, nâng cấp, bảo trì phần công trình đường sắt quốc gia giao nhau với đường sắt chuyên dùng;”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “2. Trường hợp cần điều chỉnh danh mục phụ kiện, phụ tùng, vật tư, thiết bị chuyên dùng đường sắt thì Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.”	Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “2. Trường hợp cần điều chỉnh danh mục phụ kiện, phụ tùng, vật tư, thiết bị chuyên dùng đường sắt thì Bộ trưởng Bộ Xây dựng tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định vận tải hàng nguy hiểm trên đường sắt phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.”	Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng quy định vận tải hàng nguy hiểm trên đường sắt phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Khoản 2, 3 Điều 32 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “2. Căn cứ quy định của Bộ Giao thông vận tải , của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Nghị định này và chỉ dẫn của người thuê vận tải, người chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận, tổ chức vận tải hàng nguy hiểm quyết định phương án xếp, gia cố hàng nguy hiểm và chỉ đạo các chức danh liên quan thực hiện việc xếp, dỡ hàng đúng quy định.	Khoản 2, 3 Điều 32 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “2. Căn cứ quy định của Bộ Xây dựng, của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Nghị định này và chỉ dẫn của người thuê vận tải, người chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận, tổ chức vận tải hàng nguy hiểm quyết định phương án xếp, gia cố hàng nguy hiểm và chỉ đạo các chức danh liên quan thực hiện việc xếp, dỡ hàng đúng quy định.	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

a) Việc xếp, gia cố hàng nguy hiểm trên phương tiện giao thông đường sắt phải theo đúng phương án xếp hàng; không xếp chung các loại hàng nguy hiểm có tính chất tăng cường hoặc tạo ra sự nguy hiểm cao hơn khi được xếp chung với nhau trong cùng một toa xe; b) Việc lập tàu vận tải hàng nguy hiểm phải thực hiện theo đúng quy định về vận tải loại, nhóm hàng đó. 3. Việc xếp, dỡ hàng nguy hiểm trong kho, bãi của ga, cảng cạn phải theo hướng dẫn của thủ kho. Căn cứ quy định của Bộ Giao thông vận tải, của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Nghị định này và chỉ dẫn của người thuê vận tải, thủ kho hướng dẫn, giám sát việc xếp, dỡ hàng nguy hiểm trong kho, bãi và chịu trách nhiệm trong thời gian hàng nguy hiểm lưu tại kho, bãi.”	a) Việc xếp, gia cố hàng nguy hiểm trên phương tiện giao thông đường sắt phải theo đúng phương án xếp hàng; không xếp chung các loại hàng nguy hiểm có tính chất tăng cường hoặc tạo ra sự nguy hiểm cao hơn khi được xếp chung với nhau trong cùng một toa xe; b) Việc lập tàu vận tải hàng nguy hiểm phải thực hiện theo đúng quy định về vận tải loại, nhóm hàng đó. 3. Việc xếp, dỡ hàng nguy hiểm trong kho, bãi của ga, cảng cạn phải theo hướng dẫn của thủ kho. Căn cứ quy định của Bộ Xây dựng, của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Nghị định này và chỉ dẫn của người thuê vận tải, thủ kho hướng dẫn, giám sát việc xếp, dỡ hàng nguy hiểm trong kho, bãi và chịu trách nhiệm trong thời gian hàng nguy hiểm lưu tại kho, bãi.”	XV
Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “1. Phương tiện phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành và phù hợp với loại hàng được vận tải.”	Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “1. Phương tiện phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và phù hợp với loại hàng được vận tải.”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 46 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 - Khoản 1 Điều 46 “1. Thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ đặc biệt: a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt về việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đề nghị doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt về việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, tai nạn và cứu nạn; c) Bộ trưởng Bộ Y tế đề nghị Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp kinh doanh đường sắt về việc thực hiện nhiệm vụ phòng chống, khắc phục hậu quả dịch bệnh; d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác.” - Khoản 2 Điều 46 “2. Thực hiện nhiệm vụ đặc biệt: Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập phương án tổ chức thực hiện và dự trù kinh phí (không bao gồm lãi), gửi Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và cơ quan yêu cầu.” - Điểm a khoản 3 Điều 46 “3. Thanh quyết toán chi phí hỗ trợ nhiệm vụ đặc biệt:	Khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 46 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 - Khoản 1 Điều 46 “1. Thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ đặc biệt: a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Xây dựng và doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt về việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; b) Bộ trưởng Bộ Xây dựng đề nghị doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt về việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, tai nạn và cứu nạn; c) Bộ trưởng Bộ Y tế đề nghị Bộ Xây dựng và doanh nghiệp kinh doanh đường sắt về việc thực hiện nhiệm vụ phòng chống, khắc phục hậu quả dịch bệnh; d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Xây dựng và doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác.” - Khoản 2 Điều 46 “2. Thực hiện nhiệm vụ đặc biệt: Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập phương án tổ chức thực hiện và dự trù kinh phí (không bao gồm lãi), gửi Bộ Xây dựng phê duyệt và cơ quan yêu cầu.” - Điểm a khoản 3 Điều 46 “3. Thanh quyết toán chi phí hỗ trợ nhiệm vụ đặc biệt: a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán các khoản chi phí thực hiện cho từng nhiệm vụ đặc biệt gửi Bộ Giao thông vận tải Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này thẩm định báo cáo quyết toán các khoản chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt và có văn bản gửi Bộ Tài chính để làm cơ sở quyết toán với ngân sách nhà nước;” - Khoản 4 Điều 46 “4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chi tiết quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá thực hiện nhiệm vụ vận tải đặc biệt.”	các khoản chi phí thực hiện cho từng nhiệm vụ đặc biệt gửi Bộ Xây dựng. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này thẩm định báo cáo quyết toán các khoản chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt và có văn bản gửi Bộ Tài chính để làm cơ sở quyết toán với ngân sách nhà nước;” - Khoản 4 Điều 46 “4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá thực hiện nhiệm vụ vận tải đặc biệt.”	
Khoản 1, 3, 4 Điều 47 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 - Khoản 1 Điều 47 “1. Thủ tục phê duyệt kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội: a) Trước ngày 30 tháng 9 hằng năm, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt xây dựng dự kiến kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội của năm tiếp theo gửi Bộ Giao thông vận tải Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có đường sắt đi qua và doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt. Nội dung kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội được quy định tại Khoản 2 Điều này; b) Trên cơ sở kế hoạch dự kiến của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có đường sắt đi qua có ý kiến bằng văn bản gửi về Bộ Giao thông vận tải, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trước ngày 15 tháng 11 hằng năm để tổng hợp; c) Bộ Giao thông vận tải chủ trì thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt xong trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.” - Khoản 3 Điều 47 “3. Thực hiện kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội: a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt tổ chức thực hiện trên cơ sở kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt; Trường hợp có sự thay đổi về kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trình Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh kế hoạch trước khi thực hiện; b) Hằng quý, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt có trách nhiệm thống kê, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chạy tàu an sinh xã hội theo kế hoạch được giao gửi Bộ Giao thông vận tải.” - Khoản 4 Điều 47 “4. Thanh, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội: a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán các khoản chi phí thực hiện cho từng nhiệm vụ an sinh xã hội gửi Bộ Giao thông vận	Khoản 1, 3, 4 Điều 47 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 - Khoản 1 Điều 47 “1. Thủ tục phê duyệt kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội: a) Trước ngày 30 tháng 9 hằng năm, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt xây dựng dự kiến kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội của năm tiếp theo gửi Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có đường sắt đi qua và doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt. Nội dung kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội được quy định tại Khoản 2 Điều này; b) Trên cơ sở kế hoạch dự kiến của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có đường sắt đi qua có ý kiến bằng văn bản gửi về Bộ Xây dựng, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trước ngày 15 tháng 11 hằng năm để tổng hợp; c) Bộ Xây dựng chủ trì thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt xong trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.” - Khoản 3 Điều 47 “3. Thực hiện kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội: a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt tổ chức thực hiện trên cơ sở kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội đã được Bộ Xây dựng phê duyệt; Trường hợp có sự thay đổi về kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội đã được Bộ Xây dựng phê duyệt, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trình Bộ Xây dựng điều chỉnh kế hoạch trước khi thực hiện; b) Hằng quý, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt có trách nhiệm thống kê, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chạy tàu an sinh xã hội theo kế hoạch được giao gửi Bộ Xây dựng.” - Khoản 4 Điều 47 “4. Thanh, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội: a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán các khoản chi phí thực hiện cho từng nhiệm vụ an sinh xã hội gửi Bộ Xây dựng. Bộ	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

tài. Bộ Giao thông vận tải thẩm định báo cáo quyết toán các khoản chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt và có văn bản gửi Bộ Tài chính để Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định chi hỗ trợ cho doanh nghiệp; b) Hồ sơ thanh, quyết toán, gồm: Quyết định giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội của Bộ Giao thông vận tải; báo cáo quyết toán chi phí thực hiện do doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt lập. 4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chi tiết quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá thực hiện nhiệm vụ vận tải an sinh xã hội.”	Xây dựng thẩm định báo cáo quyết toán các khoản chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt và có văn bản gửi Bộ Tài chính để Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định chi hỗ trợ cho doanh nghiệp; b) Hồ sơ thanh, quyết toán, gồm: Quyết định giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội của Bộ Xây dựng; báo cáo quyết toán chi phí thực hiện do doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt lập. 4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá thực hiện nhiệm vụ vận tải an sinh xã hội.”	
Điều 48 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải Hàng năm, báo cáo Chính phủ việc sử dụng ngân sách và kết quả xử lý, khắc phục đối với các đường ngang trên đường sắt quốc gia không phù hợp với quy định của Luật Đường sắt, vị trí nguy hiểm đối với tai nạn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này.”	Điều 48 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng Hàng năm, báo cáo Chính phủ việc sử dụng ngân sách và kết quả xử lý, khắc phục đối với các đường ngang trên đường sắt quốc gia không phù hợp với quy định của Luật Đường sắt, vị trí nguy hiểm đối với tai nạn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này.”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Điều 50 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch Đầu tư Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách trung ương theo quy định trình Chính phủ để thực hiện việc thu hẹp, giảm, xóa bỏ các đường ngang không phù hợp với quy định tại Nghị định này.”	Điều 50 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch Đầu tư Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách trung ương theo quy định trình Chính phủ để thực hiện việc thu hẹp, giảm, xóa bỏ các đường ngang không phù hợp với quy định tại Nghị định này.”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Khoản 1, 4 Điều 52 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 - Khoản 1 Điều 52 “1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc chỉ đạo tổ chức lập hồ sơ các lối đi tự mở đang tồn tại trên đường sắt quốc gia theo quy định của Nghị định này và đảm bảo trật tự an toàn giao thông tại các điểm giao nhau giữa đường bộ và đường sắt trên đường sắt quốc gia.” - Khoản 4 Điều 52 “4. Hàng năm, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải báo cáo Chính phủ việc sử dụng ngân sách và kết quả thu hẹp, giảm, xóa bỏ các lối đi tự mở, vị trí nguy hiểm đối với tai nạn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia theo quy định của Nghị định này.”	Khoản 1, 4 Điều 52 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 - Khoản 1 Điều 52 “1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc chỉ đạo tổ chức lập hồ sơ các lối đi tự mở đang tồn tại trên đường sắt quốc gia theo quy định của Nghị định này và đảm bảo trật tự an toàn giao thông tại các điểm giao nhau giữa đường bộ và đường sắt trên đường sắt quốc gia.” - Khoản 4 Điều 52 “4. Hàng năm, phối hợp với Bộ Xây dựng báo cáo Chính phủ việc sử dụng ngân sách và kết quả thu hẹp, giảm, xóa bỏ các lối đi tự mở, vị trí nguy hiểm đối với tai nạn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia theo quy định của Nghị định này.”	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
Điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14/12/2023 “b) Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trên môi	Điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14/12/2023 “b) Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trên môi	Đổi tên cơ quan “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng theo Nghị quyết số

trường điện tử đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp gửi trên môi trường điện tử, hồ sơ đề nghị gồm bản sao điện tử của các tài liệu quy định tại điểm a khoản này và thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giao thông vận tải hoặc Công Dịch vụ công quốc gia;”	trường điện tử đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp gửi trên môi trường điện tử, hồ sơ đề nghị gồm bản sao điện tử của các tài liệu quy định tại điểm a khoản này và thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Xây dựng hoặc Công Dịch vụ công quốc gia;”	176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV																																																								
Mẫu số 02 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT Kính gửi: (Tên cơ quan đầu mỗi cấp Giấy phép) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm:..... Địa chỉ: Điện thoại Fax Email: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Do (tên cơ quan cấp) cấp ngày ... tháng ... năm Họ tên người đại diện pháp luật Chức danh Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: Đơn vị cấp: ngày cấp Hệ khâu thường trú Đề nghị quý cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm là các chất nguy hiểm sau:	Mẫu số 02 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT Kính gửi: (Tên cơ quan đầu mỗi cấp Giấy phép) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm:..... Địa chỉ: Điện thoại Fax Email: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Do (tên cơ quan cấp) cấp ngày ... tháng ... năm Họ tên người đại diện pháp luật Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu số: Đơn vị cấp: ngày cấp Đề nghị quý cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm là các chất nguy hiểm sau:	Thay đổi tên gọi trường thông tin "Chứng minh nhân dân" thành "Căn cước công dân/Thẻ Căn cước" để phù hợp với Luật Căn cước																																																								
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên hàng nguy hiểm</th> <th>Số UN</th> <th>Loại nhóm hàng</th> <th>Số hiệu nguy hiểm</th> <th>Khối lượng vận tải (dự kiến)</th> <th>Ga đi - Ga đến</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến	1							2							...							<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên hàng nguy hiểm</th> <th>Số UN</th> <th>Loại nhóm hàng</th> <th>Số hiệu nguy hiểm</th> <th>Khối lượng vận tải (dự kiến)</th> <th>Ga đi - Ga đến</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến	1							2							...							
STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến																																																				
1																																																										
2																																																										
...																																																										
STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến																																																				
1																																																										
2																																																										
...																																																										
Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm bao gồm:	Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm bao gồm:																																																									

1. 2.(tên tổ chức, cá nhân)cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận tải hàng nguy hiểm. ..., ngàytháng.... năm..... Đại diện tổ chức, cá nhân (Ký tên, đóng dấu)	1. 2.(tên tổ chức, cá nhân)cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận tải hàng nguy hiểm. ..., ngàytháng.... năm..... Đại diện tổ chức, cá nhân (Ký tên, đóng dấu)																																											
Mẫu số 05 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT Kính gửi:(Tên cơ quan đầu mối cấp Giấy phép) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm: Địa chỉ: Điện thoại Fax Email: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....ngày ... tháng ... năm..... tại Họ tên người đại diện pháp luật Chức danh Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: Đơn vị cấp: ngày cấp Hộ khẩu thường trú Để vận tải hàng nguy hiểm, tổ chức/cá nhân (ghi tên tổ chức, cá nhân) đã được (Ghi tên cơ quan đầu mối đã cấp Giấy phép) cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm sốngày ... tháng.... năm.... Hàng nguy hiểm đã được cấp Giấy phép vận tải, cụ thể: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <th>STT</th> <th>Tên hàng nguy hiểm</th> <th>Số UN</th> <th>Loại nhóm hàng</th> <th>Số hiệu nguy hiểm</th> <th>Khối lượng vận tải (dự kiến)</th> <th>Ga đi - Ga đến</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến	1							2							Mẫu số 05 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT Kính gửi:(Tên cơ quan đầu mối cấp Giấy phép) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm: Địa chỉ: Điện thoại Fax Email: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sốngày tháng ... năm..... tại Họ tên người đại diện pháp luật Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu số: Đơn vị cấp: ngày cấp Để vận tải hàng nguy hiểm, tổ chức/cá nhân (ghi tên tổ chức, cá nhân) đã được (Ghi tên cơ quan đầu mối đã cấp Giấy phép) cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm sốngày ... tháng.... năm.... Hàng nguy hiểm đã được cấp Giấy phép vận tải, cụ thể: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <th>STT</th> <th>Tên hàng nguy hiểm</th> <th>Số UN</th> <th>Loại nhóm hàng</th> <th>Số hiệu nguy hiểm</th> <th>Khối lượng vận tải (dự kiến)</th> <th>Ga đi - Ga đến</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến	1							2							- Thay đổi tên gọi trường thông tin "Chứng minh nhân dân" thành "Căn cước công dân/Thẻ Căn cước" để phù hợp với Luật Căn cước - Bổ trường thông tin "Chức danh" và "Hộ khẩu thường trú"
STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến																																						
1																																												
2																																												
STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến																																						
1																																												
2																																												

...						
Do (ghi rõ lý do, ví dụ như: sơ suất đánh mất/bị thất lạc/bị hư hỏng...) Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm (bản gốc) đã được quý cơ quan cấp nêu trên, (tên tổ chức, cá nhân)... đề nghị quý cơ quan xem xét cấp lại Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm nêu trên. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép vận tải bao gồm: 1 2 Tổ chức, cá nhân cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận tải hàng nguy hiểm, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung nêu trên./. , ngày tháng.... năm 20..... ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN (Ký tên, đóng dấu)						
...						
Do (ghi rõ lý do, ví dụ như: sơ suất đánh mất/bị thất lạc/bị hư hỏng...) Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm (bản gốc) đã được quý cơ quan cấp nêu trên, (tên tổ chức, cá nhân)... đề nghị quý cơ quan xem xét cấp lại Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm nêu trên. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép vận tải bao gồm: 1 2 Tổ chức, cá nhân cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận tải hàng nguy hiểm, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung nêu trên./. , ngày tháng.... năm 20..... ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN (Ký tên, đóng dấu)						